TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2025/HSST
Ngày: 25 - 6 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Bình.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Trần Vi Tình - Bí thư Huyện đoàn huyện Đ, tỉnh Gia Lai
Ông Lê Đình Quang - Cán bộ hưu trí.
Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Minh - Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Y HLam - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 15/2025/TLST-HS ngày 16 tháng 5 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2025/QĐXXST-HS, ngày 29/5/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2025/QĐST-HS ngày 11 tháng 6 năm 2025, đối với bị cáo:

Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 17/8/1981, tại tỉnh Gia Lai; Nơi cư trú: tổ C, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai; Nơi tạm trú: Tổ G, phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: Công chức tư pháp xã; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc L (đã chết) và bà Trịnh Thị Hồng P, sinh năm 1946; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị T, sinh năm 1981 và có 02 người con chung; Tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn *"Cấm đi khỏi nơi cư trú"* từ ngày 22/01/2025. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 25/6/2025, hiện có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
1/ UBND xã C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai: Ông Cáp Văn N - chủ tịch UBND xã C, có mặt tại phiên tòa.
2/ Ông Nguyễn Văn H. Địa chỉ: thôn C, xã C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, có mặt tại phiên tòa.
3/ Ông Lê Văn H1, sinh năm 1968. Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, có đơn xin xét xử vắng mặt.

4/ Ông Dương Văn T1, sinh năm 1954. Nơi cư trú: Tổ F, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai, có đơn xin xét xử vắng mặt.

5/ Ông Nguyễn H2, sinh năm 1968. Nơi cư trú: Thôn A, xã C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, Có mặt tại phiên tòa.

6/ Ông Nguyễn Thành S, sinh năm 1962. Nơi cư trú: Thôn C, xã C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, vắng mặt.

7/ Ông Phạm Ngọc T2, sinh năm 1974. Nơi cư trú: Thôn A, xã C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, có mặt tại phiên tòa.

8/ Chị Võ Thị Hồng C, sinh năm 1990. Thôn C, xã C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, vắng mặt.

9/ Ông Đỗ Thành H3, sinh năm 1979. Nơi cư trú: Thôn C, xã C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, vắng mặt.

10/ Chị Nguyễn Thị N1, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Thôn C, xã C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, có mặt tại phiên tòa.

11/ Ông Trương Minh P1, sinh năm 1978. Nơi cư trú: Tổ C, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2013 Nguyễn Ngọc D nhận công tác tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai theo Quyết định số 337/QĐ-UBND ngày 04/4/2013 của Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Trong thời gian công tác tại UBND xã C, D được phân công nhiệm vụ là Công chức Tư pháp - Hộ tịch. Theo Quyết định số 70/QĐ-UBND ngày 04/8/2021 của UBND xã C, do Chủ tịch ông Văn Doãn D1 ký "*Quyết định về việc phân công nhiệm vụ đối với cán bộ, công chức thuộc Ủy ban nhân dân xã C, nhiệm kỳ 2021- 2026"*.

Vào khoảng tháng 01 năm 2024, Trương Minh P1 mua lại chiếc xe ô tô nhãn hiệu SSANG YONG; loại MUSSO của ông Vũ Hữu D2 với giá tiền là 39.000.000đồng. Do chiếc xe này đã được Công an huyện K, tỉnh Gia Lai thu hồi biển kiểm soát xe và Giấy chứng nhận đăng kí xe nên ông D2 có nhờ ông Hoàng Đình V và bà Trần Thị K đứng tên trên hợp đồng mua bán xe. Trương Minh P1 biết rõ theo quy định của pháp luật khi mua chiếc xe này mà muốn sang thì Công an huyện K phải cấp biển số xe mới và giấy chứng nhận đăng kí xe mới cho ông V và bà K rồi sau đó ông V và bà K mới có thể làm hợp đồng bán chiếc xe trên cho P1 được. Tuy nhiên, chiếc xe trên có giá trị thấp và làm như trên sẽ tốn chi phí nộp thuế và tiền đăng ký xe.

+ Khoảng 08 giờ ngày 10/01/2024, Trương Minh P1 gọi điện thoại cho Nguyễn Ngọc D để nhờ làm hợp đồng chứng thực nối tiếp đối với chiếc xe ô tô mà P1 đã mua, D đồng ý. Sau đó P1 đến trước cổng UBND xã C gặp và đưa cho D các giấy tờ gồm: Giấy chứng nhận thu hồi đăng ký xe; Hợp đồng mua bán xe giữa ông Vũ Hữu D2 với ông Hoàng Đình V và bà Trần Thị Kim . Phi nhờ D2 soạn thảo và thực hiện chứng thực hợp đồng mua bán nối tiếp chiếc xe ô tô nói trên từ ông V, bà K sang cho chị

Phạm Thị H4. Nguyên nhân là P1 có hộ khẩu thường trú tại thị xã A, tỉnh Gia Lai nhưng muốn có biển số xe tại huyện Đ, tỉnh Gia Lai nên nhờ D2 làm hợp đồng mua bán xe lấy tên chị H4 để được lấy biển số xe tại huyện Đ. Khi soạn thảo hồ sơ, do thiếu thông tin nên D2 yêu cầu P1 cung cấp căn cước công dân của bên mua và bên bán. P1 đã gửi ảnh chụp căn cước công dân của ông Hoàng Đình V; bà Trần Thị K và chị Phạm Thị H4 cho D2 qua ứng dụng Zalo. Khoảng 16h00' cùng ngày, D2 soạn xong hợp đồng và gọi điện thoại nói P1 mang về cho các bên liên quan ký tên rồi đem nộp lại cho D2 để chứng thực. Phi đến UBND xã C lấy hợp đồng về nhưng không đưa cho ông V, bà K và chị H4 ký tên mà tự ý ký giả chữ ký của những người này lên trên hợp đồng.

Khoảng 08h00 ngày 11/01/2024, P1 mang hợp đồng đã tự ký giả tên của bên mua và bán đến UBND xã C đưa cho D2 và nói những người có liên quan đã ký tên xong. Nhận hợp đồng do P1 đưa, D2 mang vào phòng làm việc tiến hành hoàn chỉnh, tại phần *"Người tiếp nhận hồ sơ"* trên hợp đồng mua bán xe D2 trực tiếp ký tên mình. Đối với chữ ký các mục: *"Người thực hiện chứng thực"* trong hợp đồng mua bán xe ô tô, người có trách nhiệm ký là ông Nguyễn Văn H, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND xã C, thì D2 tự ý ký giả chữ ký của ông H. Khi ký xong, D2 tự ý lấy con dấu của UBND xã C đóng dấu lên chữ ký giả. Khi hoàn tất việc chứng thực giả hợp đồng, D2 không vào sổ quản lý việc chứng thực của UBND xã C để tránh bị phát hiện, sau đó D2 điện thoại cho P1 nói đến UBND xã C nhận lại hợp đồng. Khi nhận lại hợp đồng này, P1 tự nguyện đưa cho D2 số tiền 200.000đồng. Đến ngày 12/01/2024 Trương Minh P1 mang hợp đồng trên đến Đội Cảnh sát giao thông - Công an huyện Đ để làm thủ tục đăng ký xe ô tô. Phi trình bày với cán bộ tiếp nhận hồ sơ rằng chị H4 là chủ xe nhưng hiện đang bận đi làm không đến làm thủ tục được nên P1 đi làm thủ tục đăng kí xe thay cho chị H4. Tin tưởng hợp đồng mua bán xe do P1 cung cấp là thật nên cán bộ tiếp nhận hồ sơ đã đồng ý cho P1 làm thủ tục đăng ký xe.

Chị Phạm Thị H4 khi biết P1 sử dụng thông tin cá nhân và giả chữ ký mình để đăng ký sở hữu xe ô tô khi chưa có sự đồng ý của chị H4 nên đã gửi đơn báo cáo đến Công an huyện Đ đề nghị giải quyết sự việc và bảo vệ quyền lợi về thông tin cá nhân cho chị H4. Thấy vụ việc có dấu hiệu vi phạm hình sự, Đ2 - Công an huyện Đ đã chuyển toàn bộ hồ sơ đăng ký xe ô tô do Trương Minh P1 nộp qua Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Đ để điều tra xử lý.

Mở rộng điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Đ xác định trong khoảng thời gian từ tháng 01/2024 đến tháng 9/2024 Nguyễn Ngọc D còn có hành vi nhận làm các loại hồ sơ hợp đồng liên quan đến việc chuyển nhượng tài sản của công dân, sau đó giả chữ ký của Phó Chủ tịch UBND xã C và sử dụng con dấu của UBND xã C để đóng dấu thủ tục chứng thực. Cụ thể D đã nhận 09 hồ sơ từ các ông bà:

+ Vào tháng 01/2024 D nhận hồ sơ của ông Lê Văn H1, 01 hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất. D đã tiến hành soạn thảo và chứng thực các tài liệu trong hồ sơ 01 Công văn về việc xác nhận biến động đất đai số 323/UBND-ĐC đề ngày 10/9/2024; 01 Hợp đồng ủy quyền về việc liên hệ với cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục nhận phân chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất đề ngày 10/9/2024. Sau khi hoàn tất hồ sơ D nhận của ông H1 số tiền là 3.000.000đồng.

Tháng 02/2024 D nhận làm giả 02 hồ sơ, cụ thể như sau:

+ Dương Văn T1 01 hồ sơ. D soạn thảo và chứng thực 01 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đề ngày 20/02/2024; 01 hợp đồng ủy quyền về việc liên hệ với cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đề ngày 20/02/2024. Sau khi nhận lại hợp đồng chứng thực do D thực hiện, ông T1 đã tiến hành nộp hồ sơ tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ, tỉnh Gia Lai và đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. D nhận của ông T1 số tiền là 400.000 đồng.

+ Nguyễn H2 01 hồ sơ tặng cho quyền sử dụng đất nông nghiệp. D đã soạn thảo và chứng thực 01 hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đề ngày 20/02/2024 và 01 hợp đồng ủy quyền về việc liên hệ với cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất đề ngày 20/02/2024. D không nhận tiền của ông H2.

+ Tháng 7/2024 nhận của ông Nguyễn Thành S 01 hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất. D soạn thảo và chứng thực 02 Hợp đồng ủy quyền về việc liên hệ với cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đề ngày 20/6/2024; 02 Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đề ngày 24/7/2024; 01 Đơn xin xác nhận đang trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp đề ngày 24/7/2024. D nhận của ông S số tiền là 5.000.000đồng.

+ Tháng 8/2024 nhận của ông Phạm Ngọc T2 01 hồ sơ chuyển đổi mục đích sử dụng đất. D soạn thảo và chứng thực 01 hợp đồng ủy quyền về việc liên hệ với cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục Cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đề ngày 23/8/2024. D nhận của ông T2 số tiền là 24.000.000đồng.

Tháng 9/2024 D nhận làm giả 04 hồ sơ, cụ thể như sau:

+ Võ Thị Hồng C 01 hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất. D đã soạn thảo và chứng thực các tài liệu 01 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đề ngày 16/9/2024 và 01 hợp đồng ủy quyền về việc liên hệ với cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục Cấp đổi giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất đề ngày 16/9/2024. D nhận của chị C số tiền là 2.000.000đồng.

+ Đỗ Thành H3 01 hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất. D tiến hành soạn thảo và chứng thực 01 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đề ngày 18/9/2024 và 01 hợp đồng ủy quyền về việc liên hệ với cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục Cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đề ngày 18/9/2024. D nhận của H3 số tiền là 3.000.000đồng.

+ Nguyễn H2 01 hồ sơ phân chia di sản thừa kế. D soạn thảo và chứng thực các tài liệu 01 Bản khai lý lịch quan hệ nhân thân trong giải quyết giao dịch dân sự về thừa kế tài sản đề ngày 06/9/2024; 01 Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất theo pháp luật của các đồng thừa kế đề ngày 06/9/2024; 01 Đơn xin xác nhận đang trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp đề ngày 06/9/2024; 01 Hợp đồng ủy quyền về việc liên hệ với cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục nhận phân chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất đề ngày 06/9/2024. D không nhận tiền của H2.

+ Nguyễn Thị N1 01 hồ sơ phân chia di sản thừa kế. D đã soạn thảo và chứng thực 01 Bản khai lý lịch quan hệ nhân thân trong giải quyết giao dịch dân sự về thừa

kế tài sản đề ngày 12/9/2024; 01 Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất theo pháp luật của các đồng thừa kế đề ngày 12/9/2024; 01 Hợp đồng ủy quyền về việc liên hệ với cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục nhận phân chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất đề ngày 12/9/2024. D nhận của N1 số tiền là 2.500.000đồng.

Tổng cộng D đã nhận làm 10 hồ sơ, đã soạn thảo và chứng thực 23 loại giấy tờ tài liệu từ các ông bà Trương Minh P1, Lê Văn H1, Dương Văn T1, (N 02 hồ sơ), Nguyễn Thành S, Phạm Ngọc T2, Võ Thị Hồng C, Đỗ Thành H3, Nguyễn Thị N1. Hành vi của D là khi những người có nhu cầu làm hồ sơ, họ tới UBND xã C nơi D làm việc nhờ làm các loại hợp đồng, văn bản giấy tờ liên quan đồng thời chứng thực các loại hợp đồng và giấy tờ này và có thỏa thuận đưa tiền để trả công D thực hiện các bước soạn thảo, chứng thực hồ sơ theo quy định của Nhà nước, sau đó nộp tới các cơ quan có thẩm quyền khác tùy theo nhu cầu. D đều đồng ý và yêu cầu những người nhờ cung cấp các giấy tờ, thông tin liên quan đến vụ việc; khi có đầy đủ thông tin D tiến hành soạn thảo các loại hợp đồng, văn bản liên quan rồi đưa lại để mọi người có tên trên hợp đồng ký. Hồ sơ sau khi đầy đủ chữ ký của những người liên quan sẽ nộp lại cho D. Khi nhận lại các hồ sơ, D không mang các giấy tờ, hợp đồng nộp cho bộ phận chứng thực của UBND xã C để người có thẩm quyền ký các loại giấy tờ công chứng, chứng thực theo đúng quy định, mà D đã giả chữ ký của ông Huỳnh B cách tự ký vào phần chứng thực của các giấy tờ, tài liệu mà D đã soạn thảo, sau đó đóng dấu của UBND xã C rồi trả lại hồ sơ cho những người đã nhờ làm giấy tờ hoặc tiếp tục nộp tới các cơ quan có thẩm quyền để hoàn chỉnh hồ sơ giao dịch và có nhận tiền thù lao của một số người. D đã nhận của các ông bà Trương Minh P1, Dương Văn T1, Nguyễn Thành S, Phạm Ngọc T2, Võ Thị Hồng C, Đỗ Thành H3, Lê Văn H1, Nguyễn Thị N1 với tổng số tiền là 40.100.000 đồng, D đã sử dụng cho mục đích cá nhân.

Ngày 24/10/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Đ ra Quyết định trưng cầu giám định số: 362/QĐ-ĐTTH và ngày 27/10/2024 Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Đ ra Quyết định trưng cầu giám định số 371/QĐ-ĐTTH, trưng cầu Phòng K2 Công an tỉnh G, giám định chữ ký của Nguyễn Ngọc D, Nguyễn Văn H và hình con dấu của UBND xã C (trên 23 mẫu tài liệu giám định), cụ thể như sau:

+ 01 hợp đồng ủy quyền về việc liên hệ với cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục Cấp đổi giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất đề ngày 23/8/2024, bên ủy quyền ông Phạm Ngọc T2 và bà Nguyễn Thị L1; bên được ủy quyền ông Nguyễn H2. Dưới mục *"Người tiếp nhận hồ sơ Ký, ghi rõ họ, tên"* có chữ ký đứng tên *"Nguyễn Ngọc D"*; dưới mục *"Người thực hiện chứng thực ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu P CHỦ TỊCH"* có chữ ký đứng tên *"Nguyễn Văn H"* và hình dấu tròn nội dung *"✯ U.B.N.D XÃ CƯ AN H. ĐAK PƠ T. GIA LAI"*.

+ 01 hợp đồng ủy quyền về việc liên hệ với cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục Cấp đổi giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất đề ngày 10/9/2024, bên ủy quyền ông Bùi Văn C1; bên được ủy quyền ông Nguyễn H2. Dưới mục *"Người tiếp nhận hồ sơ Ký, ghi rõ họ, tên"* có chữ ký đứng *tên "Nguyễn Ngọc D"*; dưới mục *"Người thực hiện chứng thực ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu P CHỦ TỊCH"* có chữ ký đứng tên

"Nguyễn Văn H" và hình dấu tròn nội dung *"✯ U.B.N.D XÃ CƯ AN H. ĐAK PƠ T. GIA LAI"*.

+ 01 Công văn số: 232/UBND-ĐC về việc xác nhận biến động đất đai đề ngày 10/9/2024 của Ủy ban nhân dân xã C, huyện Đ. Dưới mục *"TM. ỦY BAN NHÂN DÂN P CHỦ TỊCH"* có chữ ký đứng tên *"Nguyễn Văn H"* và hình dấu tròn nội dung *"✯ U.B.N.D XÃ CƯ AN H. ĐAK PƠ T. GIA LAI"*.

+ 01 hợp đồng ủy quyền về việc liên hệ với cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục nhận chuyển nhượng Quyền sử dụng đất đề ngày 20/6/2024, bên ủy quyền ông Võ Trung T3; bên được ủy quyền ông Nguyễn H2. Dưới mục *"Người tiếp nhận hồ sơ Ký, ghi rõ họ, tên"* có chữ ký đứng tên *"Nguyễn Ngọc D"*; dưới mục *"Người thực hiện chứng thực ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu P CHỦ TỊCH"* có chữ ký đứng tên *"Nguyễn Văn H"* và hình dấu tròn nội dung *"✯ U.B.N.D XÃ CƯ AN H. ĐAK PƠ T. GIA LAI"*.

+ 01 hợp đồng ủy quyền về việc liên hệ với cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục nhận chuyển nhượng Quyền sử dụng đất đề ngày 20/6/2024, bên ủy quyền ông Nguyễn Thành Đ; bên được ủy quyền ông Nguyễn H2. Dưới mục *"Người tiếp nhận hồ sơ Ký, ghi rõ họ, tên"* có chữ ký đứng tên *"Nguyễn Ngọc D"*; dưới mục *"Người thực hiện chứng thực ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu P CHỦ TỊCH"* có chữ ký đứng tên "*Nguyễn Văn H*" và hình dấu tròn nội dung *"✯ U.B.N.D XÃ CƯ AN H. ĐAK PƠ T. GIA LAI"*.

+ 01 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đề ngày 24/7/2024, Bên chuyển nhượng gồm Nguyễn Thành S; Đoàn Thị T4; Nguyễn Thành L2; Nguyễn Thành T5; Nguyễn Thành T6; bên nhận chuyển nhượng Võ Trung T3. Dưới mục *"Người tiếp nhận hồ sơ Ký, ghi rõ họ, tên"* có chữ ký đứng tên *"Nguyễn Ngọc D"*; dưới mục *"Người thực hiện chứng thực ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu P CHỦ TỊCH"* có chữ ký đứng tên *"Nguyễn Văn H"* và hình dấu tròn nội dung *"✯ U.B.N.D XÃ CƯ AN H. ĐAK PƠ T. GIA LAI"*.

+ 01 hợp đồng Chuyển nhượng quyền sử dụng đất đề ngày 24/7/2024, Bên chuyển nhượng gồm Nguyễn Thành S; Đoàn Thị T4; Nguyễn Thành L2; Nguyễn Thành T5; Nguyễn Thành T6; bên nhận chuyển nhượng Nguyễn Thành Đ và Nguyễn Thị Duy T7. Dưới mục *"Người tiếp nhận hồ sơ Ký, ghi rõ họ, tên"* có chữ ký đứng tên *"Nguyễn Ngọc D"*; dưới mục "Người thực hiện chứng thực ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu P CHỦ TỊCH" có chữ ký đứng tên *"Nguyễn Văn H"* và hình dấu tròn nội dung *"✯ U.B.N.D XÃ CƯ AN H. ĐAK PƠ T. GIA LAI"*.

+ 01 Đơn xin xác nhận đang trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp đề ngày 24/7/2024 của ông Võ Trung T3. Dưới mục *"TM. ỦY BAN NHÂN DÂN P CHỦ TỊCH"* có chữ ký đứng tên *"Nguyễn Văn H"* và hình dấu tròn nội dung *"✯ U.B.N.D XÃ CƯ AN H. ĐAK PƠ T. GIA LAI"*; góc trên bên phải có đóng dấu bút lục của Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ.

+ 01 hợp đồng ủy quyền về việc liên hệ với cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục nhận phân chia di sản thừa kế là Quyền sử dụng đất đề ngày 06/9/2024, bên ủy bà Nguyễn Thị Mộng H5; ông Nguyễn Song N2 và bà Nguyễn Thị Mộng H6; bên được ủy quyền ông Nguyễn H2. Dưới mục *"Người tiếp nhận hồ sơ Ký, ghi rõ họ, tên"* có

chữ ký đứng tên *"Nguyễn Ngọc D"*; dưới mục *"Người thực hiện chứng thực ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu P CHỦ TỊCH"* có chữ ký đứng tên *"Nguyễn Văn H"* và hình dấu tròn nội dung *"✰ U.B.N.D XÃ CƯ AN H. ĐAK PƠ T. GIA LAI"*.

+ 01 Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất theo pháp luật của các đồng thừa kế đề ngày 06/9/2024 của những người thỏa thuận bà Hoàng Thị N3; bà Nguyễn Thị Mộng H5; ông Nguyễn Song N2; ông Nguyễn Song P2; ông Nguyễn Anh K1 và bà Nguyễn Thị Mộng H6. Dưới mục *"Người tiếp nhận hồ sơ ký, ghi rõ họ, tên"* có chữ ký đứng tên *"Nguyễn Ngọc D"*; dưới mục *"Người thực hiện chứng thực ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu P CHỦ TỊCH"* có chữ ký đứng tên *"Nguyễn Văn H"* và hình dấu tròn nội dung *"✰ U.B.N.D XÃ CƯ AN H. ĐAK PƠ T. GIA LAI"*.

+ 01 Bản khai lý lịch quan hệ nhân thân trong giải quyết giao dịch dân sự về thừa kế tài sản của bà Nguyễn Thị Mộng H5. Dưới mục *"TM. ỦY BAN NHÂN DÂN P CHỦ TỊCH"* có chữ ký đứng tên *"Nguyễn Văn H"* và hình dấu tròn nội dung *"✰ U.B.N.D XÃ CƯ AN H. ĐAK PƠ T. GIA LAI"*.

+ 01 Đơn xin xác nhận đang trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp đề ngày 06/9/2024 của bà Nguyễn Thị Mộng H6. Dưới mục *"TM. ỦY BAN NHÂN DÂN P CHỦ TỊCH"* có chữ ký đứng tên *"Nguyễn Văn H"* và hình dấu tròn nội dung *"✰ U.B.N.D XÃ CƯ AN H. ĐAK PƠ T. GIA LAI"*.

+ 01 hợp đồng Chuyển nhượng quyền sử dụng đất đề ngày 18/9/2024, Bên chuyển nhượng gồm ông Đỗ Văn H7; bà Trần Thị B1; ông Đỗ Ngọc S1; bên nhận chuyển nhượng ông Đỗ Thành H3 và bà Nguyễn Thị Ngọc T8. Dưới mục *"Người tiếp nhận hồ sơ Ký, ghi rõ họ, tên"* có chữ ký đứng tên *"Nguyễn Ngọc D"*; dưới mục *"Người thực hiện chứng thực ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu P CHỦ TỊCH"* có chữ ký đứng tên *"Nguyễn Văn H"* và hình dấu tròn nội dung *"✰ U.B.N.D XÃ CƯ AN H. ĐAK PƠ T. GIA LAI"*.

+ 01 hợp đồng ủy quyền về việc liên hệ với cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục nhận chuyển nhượng Quyền sử dụng đất đề ngày 16/9/2024, bên ủy quyền ông Đỗ Thành H3; bà Nguyễn Thị Ngọc T8; bên được ủy quyền ông Nguyễn H2. Dưới mục *"Người tiếp nhận hồ sơ Ký, ghi rõ họ, tên"* có chữ ký đứng tên *"Nguyễn Ngọc D"*; dưới mục *"Người thực hiện chứng thực ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu P CHỦ TỊCH"* có chữ ký đứng tên *"Nguyễn Văn H"* và hình dấu tròn nội dung *"✰ U.B.N.D XÃ CƯ AN H. ĐAK PƠ T. GIA LAI"*.

+ 01 hợp đồng Chuyển nhượng quyền sử dụng đất đề ngày 16/9/2024, Bên chuyển nhượng gồm bà Nguyễn Thị Â; bên nhận chuyển nhượng ông Đỗ Hà D3 và bà Võ Thị Hồng C. Dưới mục *"Người tiếp nhận hồ sơ Ký, ghi rõ họ, tên"* có chữ ký đứng tên *"Nguyễn Ngọc D"*; dưới mục *"Người thực hiện chứng thực ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu P CHỦ TỊCH"* có chữ ký đứng tên *"Nguyễn Văn H"* và hình dấu tròn nội dung *"✰ U.B.N.D XÃ CƯ AN H. ĐAK PƠ T. GIA LAI"*.

+ 01 hợp đồng ủy quyền về việc liên hệ với cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục nhận chuyển nhượng Quyền sử dụng đất đề ngày 16/9/2024, bên ủy quyền ông Đỗ Hà D3 và bà Võ Thị Hồng C; bên được ủy quyền ông Nguyễn H2. Dưới mục *"Người tiếp nhận hồ sơ Ký, ghi rõ họ, tên"* có chữ ký đứng tên *"Nguyễn Ngọc D"*;

dưới mục *"Người thực hiện chứng thực ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu P. CHỦ TỊCH"* có chữ ký đứng tên *"Nguyễn Văn H"* và hình dấu tròn nội dung *"✰ U.B.N.D XÃ CƯ AN H. ĐAK PƠ T. GIA LAI"*.

+ 01 Bản khai lý lịch quan hệ nhân thân trong giải quyết giao dịch dân sự về thừa kế tài sản của ông Nguyễn Tiên Đ1 ngày 12/9/2024. Dưới mục *"TM. ỦY BAN NHÂN DÂN P CHỦ TỊCH"* có chữ ký đứng tên *"Nguyễn Văn H"* và hình dấu tròn nội dung *"✰ U.B.N.D XÃ CƯ AN H. ĐAK PƠ T. GIA LAI"*.

+ 01 Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất theo pháp luật của các hợp đồng thừa kế đề ngày 12/9/2024 của những người thỏa thuận bà Nguyễn Thị M; các ông Nguyễn T9; Nguyễn T10; N; bà Nguyễn Thị T11. Dưới mục *"Người tiếp nhận hồ sơ ký, ghi rõ họ, tên"* có chữ ký đứng tên *"Nguyễn Ngọc D"*; dưới mục *"Người thực hiện chứng thực ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu P CHỦ TỊCH"* có chữ ký đứng tên *"Nguyễn Văn H"* và hình dấu tròn nội dung *"✰ U.B.N.D XÃ CƯ AN H. ĐAK PƠ T. GIA LAI"*.

+ 01 hợp đồng ủy quyền về việc liên hệ với cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục nhận chuyển nhượng Quyền sử dụng đất đề ngày 12/9/2024, bên ủy quyền ông Nguyễn T12; bên được ủy quyền ông Nguyễn H2. Dưới mục *"Người tiếp nhận hồ sơ Ký, ghi rõ họ, tên"* có chữ ký đứng tên *"Nguyễn Ngọc D"*; dưới mục *"Người thực hiện chứng thực ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu P CHỦ TỊCH"* có chữ ký đứng tên *"Nguyễn Văn H"* và hình dấu tròn nội dung *"✰ U.B.N.D XÃ CƯ AN H. ĐAK PƠ T. GIA LAI"*.

+ 01 Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đề ngày 20/02/2024, bên tặng cho ông Nguyễn Văn T13; bên nhận tặng cho ông Nguyễn Văn T14. Dưới mục *"Người tiếp nhận hồ sơ Ký, ghi rõ họ, tên"* có chữ ký đứng tên *"Nguyễn Ngọc D"*; dưới mục *"Người thực hiện chứng thực ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu P CHỦ TỊCH"* có chữ ký đứng tên *"Nguyễn Văn H"* và hình dấu tròn nội dung *"✰ U.B.N.D XÃ CƯ AN H. ĐAK PƠ T. GIA LAI"*.

+ 01 hợp đồng ủy quyền về việc liên hệ với cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục nhận chuyển nhượng Quyền sử dụng đất đề ngày 20/2/2024, bên ủy quyền ông Nguyễn Văn T14; bên được ủy quyền ông Nguyễn H2. Dưới mục *"Người tiếp nhận hồ sơ Ký, ghi rõ họ, tên"* có chữ ký đứng tên *"Nguyễn Ngọc D"*; dưới mục *"Người thực hiện chứng thực ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu P CHỦ TỊCH"* có chữ ký đứng tên *"Nguyễn Văn H"* và hình dấu tròn nội dung *"✰ U.B.N.D XÃ CƯ AN H. ĐAK PƠ T. GIA LAI"*.

+ 01 hợp đồng Chuyển nhượng quyền sử dụng đất đề ngày 20/02/2024, Bên chuyển nhượng gồm ông Nguyễn Thanh H8, bà Nguyễn Thị L3; bên nhận chuyển nhượng bà Nguyễn Thị Phương L4. Dưới mục *"Người tiếp nhận hồ sơ Ký, ghi rõ họ, tên"* có chữ ký đứng tên *"Nguyễn Ngọc D"*; dưới mục *"Người thực hiện chứng thực ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu P CHỦ TỊCH"* có chữ ký đứng tên *"Nguyễn Văn H"* và hình dấu tròn nội dung *"✰ U.B.N.D XÃ CƯ AN H. ĐAK PƠ T. GIA LAI"*.

+ 01 hợp đồng mua bán xe đề ngày 11/01/2024, đặc điểm xe: biển số 81A-239.79; nhãn hiệu SSANG YONG; loại MUSSO; số máy: 66291010046205; số khung 70925077. Bên bán là ông Hoàng Đình V và bà Trần Thị K, bên mua là chị

Phạm Thị H4. Dưới mục *"Bên B"* có chữ ký đứng tên *"Phạm Thị H4"*; dưới mục *"Người tiếp nhận hồ sơ ký, ghi rõ họ, tên"* có chữ ký đứng tên *"Nguyễn Ngọc D"*; dưới mục "Người thực hiện chứng thực ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu P CHỦ TỊCH", có chữ ký đứng tên *"Nguyễn Văn H"* và hình dấu tròn nội dung *"✯ U.B.N.D XÃ CƯ AN H. ĐAK PƠ T. GIA LAI"*.

Tại các Kết luận giám định số: 974/KL-KTHS và 982/KL-KTHS, ngày 14/11/2024 của Phòng K2 Công an tỉnh G kết luận:

- Chữ ký đứng tên *"Phạm Thị H4"* dưới mục *"Bên B"* trên mẫu cần giám định so với chữ ký của Trương Minh P1 trên các mẫu so sánh không phải do cùng một người ký ra.

- Chữ ký đứng tên *"Nguyễn Ngọc D"* dưới mục *"Người tiếp nhận hồ sơ Ký, ghi rõ họ, tên", "Người tiếp nhận hồ sơ ký, ghi rõ họ, tên"* trên các mẫu cần giám định so với chữ ký của Nguyễn Ngọc D trên các mẫu so sánh do cùng một người ký ra.

- Chữ ký đứng tên *"Nguyễn Văn H"* dưới mục *"Người thực hiện chứng thực ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu P CHỦ TỊCH"* trên các mẫu cần giám định so với chữ ký của Nguyễn Văn H trên các mẫu so sánh không phải do cùng một người ký ra.

- Hình dấu tròn nội dung *"✯ U.B.N.D XÃ CƯ AN H. ĐAK PƠ T. GIA LAI"* trên mẫu cần giám định so với hình dấu tròn có cùng nội dung trên mẫu so sánh do cùng một con dấu đóng ra.

Tại bản cáo trạng số: 18/CT-VKS ngày 15/5/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc D về tội *"Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức"*, quy định tại điển a khoản 3, khoản 4 Điều 341 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 3 Điều 341; điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 20/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc D phạm tội *"Làm giả tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"*

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Ngọc D từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

Phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền từ 10.000.000đồng đến 15.000.000đồng.

Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi phạm tội *"Làm giả tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"* của bị cáo xảy ra tại địa bàn huyện Đ, tỉnh Gia Lai nên về thẩm quyền khởi tố điều tra, truy tố và xét xử thuộc các cơ quan tiến hành tố tụng huyện Đ, tỉnh Gia Lai là đúng thẩm quyền.

Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử Điều tra Viên, Kiểm sát viên và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[2] Xét hành vi của bị cáo: Trong khoảng thời gian từ tháng 01/2024 đến tháng 9/2024 Nguyễn Ngọc D lợi dụng mình là cán bộ Công chức tư pháp - hộ tịch của UBND xã C đã nhận 10 hồ sơ tài liệu từ các ông bà Trương Minh P1, Lê Văn H1, Dương Văn T1, (N 02 hồ sơ), Nguyễn Thành S, Phạm Ngọc T2, Võ Thị Hồng C, Đỗ Thành H3, Nguyễn Thị N1 không đúng quy định, không đúng nhiệm vụ quyền hạn của mình. Sau khi nhận đầy đủ các thông tin từ những người nộp hồ sơ, D đã soạn thảo tổng số 23 loại hợp đồng, giấy tờ liên quan nhưng không nộp vào bộ phận một cửa của UBND xã C để tiến hành chứng thực hợp đồng theo đúng quy định mà giả chữ ký của ông Nguyễn Văn H - chức vụ: Phó Chủ tịch UBND xã C, là người được Chủ tịch phân công nhiệm vụ thay mặt Ủy ban ký các loại giấy tờ công chứng, chứng thực. Sau đó D lấy con dấu của UBND xã C đóng dấu xác nhận đã chứng thực. Các hồ sơ giả này D không vào sổ theo dõi của UBND xã C để tránh bị phát hiện. Sau khi hoàn chỉnh các hồ sơ xong, D trả lại cho người nhận hoặc tiếp tục nộp tới các cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục khác. D đã nhận tiền của các ông bà Trương Minh P1, Dương Văn T1, Nguyễn Thành S, Phạm Ngọc T2, Võ Thị Hồng C, Đỗ Thành H3, Lê Văn H1, Nguyễn Thị N1 thu lợi bất chính tổng số tiền là 40.100.000 đồng để sử dụng cho cá nhân.

Tại các Kết luận giám định số: 974/KL-KTHS và 982/KL-KTHS, ngày 14/11/2024 của Phòng K2 Công an tỉnh G kết luận:

- Chữ ký đứng tên *"Phạm Thị H4"* dưới mục *"Bên B"* trên mẫu cần giám định so với chữ ký của Trương Minh P1 trên các mẫu so sánh không phải do cùng một người ký ra.

- Chữ ký đứng tên *"Nguyễn Ngọc D"* dưới mục *"Người tiếp nhận hồ sơ Ký, ghi rõ họ, tên", "Người tiếp nhận hồ sơ ký, ghi rõ họ, tên"* trên các mẫu cần giám định so với chữ ký của Nguyễn Ngọc D trên các mẫu so sánh do cùng một người ký ra.

- Chữ ký đứng tên *"Nguyễn Văn H"* dưới mục *"Người thực hiện chứng thực ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu P CHỦ TỊCH"* trên các mẫu cần giám định so với chữ ký của Nguyễn Văn H trên các mẫu so sánh không phải do cùng một người ký ra.

- Hình dấu tròn nội dung *"✯ U.B.N.D XÃ CƯ AN H. ĐAK PƠ T. GIA LAI"* trên mẫu cần giám định so với hình dấu tròn có cùng nội dung trên mẫu so sánh do cùng một con dấu đóng ra.

Tại phiên tòa bị cáo D thừa nhận 10 hồ sơ/ 23 tài liệu gửi giám định trên là do bị cáo làm giả, lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu trong hồ sơ vụ án. Bị cáo D nhận thức được việc mình là cán bộ hộ tịch, không có thẩm quyền nhận các hồ sơ chứng thực về hợp đồng, giao dịch nhưng khi người dân có nhu cầu về chứng thực các loại hồ sơ này nhờ làm D vẫn nhận lời sau đó không thực hiện việc chứng thực theo quy định mà giả chữ ký của người có chức vụ, quyền hạn. Hành vi giả chữ ký người có trách nhiệm trong việc chứng thực trên 23 loại hợp đồng và các giấy tờ liên quan của D đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính, xâm phạm hoạt động đúng

đắn của các cơ quan, tổ chức nhà nước, làm ảnh hưởng đến hoạt động quản lý nhà nước và hoạt động trao đổi, giao dịch của các cá nhân, tổ chức.

Hành vi của bị cáo D về mặc khách thể đủ yếu tố cấu thành tội *"Giả mạo trong công tác"* theo quy định tại Điều 359 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên về mặt khách quan của tội này phải là người lợi dụng chức vụ quyền hạn của mình và về chủ thể phải là người có chức vụ quyền hạn. Đối với bị cáo D chỉ là công chức xã được phân công nhiệm vụ phụ trách công tác Tư pháp - Hộ tịch, bị cáo không có chức vụ quyền hạn, không lợi dụng chức vụ quyền hạn để làm trái quy định nên về mặt khách quan và chủ thể không thỏa mãn yếu tố cấu thành tội *"Giả mạo trong công tác"*. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đak Pơ không truy tố bị cáo về tội *"Giả mạo trong công tác"*là hoàn toàn có căn cứ đúng pháp luật.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, hoàn toàn nhận thức được rằng việc làm giả các tài liệu giấy tờ là vi phạm pháp luật. Bị cáo đã thực hiện hành vi làm giả 10 hồ sơ/23 tài liệu các loại, rơi vào tình tiết định khung hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 điều 341 Bộ luật Hình sự. Từ những nhận định trên đã có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận bị cáo phạm tội: *"Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức"* quy định tại điểm a khoản 3 điều 341 Bộ luật Hình sự. Như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đak Pơ đã truy tố bị cáo là hoàn toàn đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét tính chất của vụ án, mức độ nguy hiểm của hành vi, hậu quả gây ra cho xã hội, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thấy rằng: Hành vi phạm tội của bị cáo với tính chất nghiêm trọng, là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn, bình thường của các cơ quan, tổ chức trong hoạt động quản lý hành chính.

Về nhân thân của bị cáo D tốt, phạm tội lần đầu; Bị cáo đã bồi thường khắc phục hậu quả; Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải nên áp dụng điểm b điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để giảm một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã 10 lần thực hiện hành vi phạm tội, nên hành vi của bị cáo đã rơi vào tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[4] Xét về căn cứ áp dụng pháp luật và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hình phạt áp dụng cho bị cáo mà đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị tại phiên tòa là tương xứng với hành vi của bị cáo và phù hợp với quy định pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị trên. Để đảm bảo tính răn đe, trừng trị người phạm tội và tuyên truyền pháp luật phục vụ cho tình hình chính trị tại địa phương nên cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội là điều cần thiết.

Xét hình phạt bổ sung: Sau khi bị cáo thôi việc tại UBND xã C, không có công việc và thu nhập ổn định; khoản tiền thu lợi bất chính bị cáo đã bồi thường toàn bộ; hành vi phạm tội của bị cáo không gây thiệt hại về tài chính đối với hoạt động của UBND xã C, nên không nhất thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Đối với hành vi nhận tổng số tiền 40.100.000đồng từ những cá nhân có nhu cầu nhờ soạn thảo hợp đồng, giấy tờ và chứng thực của Nguyễn Ngọc D, xét thấy những người này đã thỏa thuận và tự nguyện đưa tiền cho D để giúp họ thực hiện các thủ tục hành chính, những người này không biết việc D giả chứng thực các loại hợp đồng. Do đó, hành vi nhận tiền của D không có dấu hiệu của tội *"Nhận hối lộ"* mà xem xét đó là thu lợi bất chính để xử lý đối với D về tội *"Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức"* là có căn cứ và đúng quy định.

Đối với Trương Minh P1 là người có hành vi giả chữ ký các cá nhân là ông Hoàng Đình V, bà Trần Thị K và chị Phạm Thị H4, xét hành vi này chỉ giả chữ ký của các cá nhân; hợp đồng mà P1 giả chữ ký chỉ là hợp đồng thỏa thuận dân sự giữa các cá nhân, không phải văn bản của cơ quan, tổ chức nên không cấu thành tội *"Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức"* nên Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh G chuyển tài liệu liên quan đến Ủy ban nhân dân xã C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai để xử phạt vi phạm hành chính đối với P1 là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

Đối với Lê Văn H1; Dương Văn T1; Nguyễn H2; Nguyễn Thành S; Phạm Ngọc T2; Võ Thị Hồng C; Đỗ Thành H3; Nguyễn Thị N1 và Trương Minh P1 là những người cung cấp thông tin cá nhân và tự nguyện đưa tiền cho Nguyễn Ngọc D để làm hồ sơ giấy tờ đề nghị cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận. Xét thấy những người này không biết việc D làm giả chứng thực hợp đồng nên không có dấu hiệu đồng phạm của tội *"Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức"*, hành vi đưa tiền là thỏa thuận dân sự trong việc nhờ D soạn thảo các loại hợp đồng, giấy tờ và hoạt động chứng thực nên không có dấu hiệu của tội *"Đưa hối lộ"* do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh G không xử lý hình sự là có căn cứ và đúng quy định.

[6] Về xử lý vật chứng vụ án và trách nhiệm dân sự:

Xử lý vật chứng vụ án: Trong quá trình điều tra đã trả lại tài liệu là mẫu so sánh chữ ký của Nguyễn Ngọc D và Nguyễn Văn H cho UBND xã C là đúng pháp luật, còn lại một số tài liệu là chứng cứ gốc để chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên lưu hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi hoàn lại toàn bộ số tiền đã nhận gồm: Lê Văn H1 3.000.000đồng; Dương Văn T1 400.000đồng; Nguyễn Thành S 5.000.000đồng; Phạm Ngọc T2 24.000.000đồng; Võ Thị Hồng C 2.000.000đồng; Đỗ Thành H3 3.000.000đồng; Nguyễn Thị N1 2.500.000đồng và Trương Minh P1 200.000đồng. Những người này không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét để giải quyết.

[7] Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 341; điểm b điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc D phạm tội *"Làm giả tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"*.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc D 03 (ba) năm tù. Thời hạn phạt tù kể từ ngày có biên bản bắt bị cáo tạm giam là ngày (25/6/2025).

[2] Về án phí: Xử buộc bị cáo Nguyễn Ngọc D phải nộp 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[3] Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (25/6/2025) bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo bản án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Đ;
- Cơ quan điều tra Công an tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo và những người TGTT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Ngọc Bình